

Bản án số: 25/2020/HS-ST
Ngày 31/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH G L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T S.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông L T – Cán bộ hưu trí.

2- Ông Lê V D – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông V Đ Q – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D, tỉnh G L tham gia phiên tòa:

Ông Phạm T Q – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2020/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo: G, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam, Sinh ngày 28/11/2001, tại G L, nơi cư trú: Làng K, xã K, huyện Đ D, tỉnh G L; Nghề nghiệp: Làm nông, trình độ văn hóa: 02/12, dân tộc: Banar, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: không, con ông X, sinh năm 1982 và bà M sinh năm 1984, gia đình bị cáo có 03 anh chị em, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015; bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại hiện có mặt tại phiên tòa.

Bị hại

K – sinh năm: 1993 (đã chết)

Trú tại: Làng Đ R, xã Đ D, huyện M Y, tỉnh G L.

Đại diện hợp pháp của người bị hại K: Bà H, sinh năm: 1966 (mẹ ruột của bị hại)

Trú tại: Làng Đ R, xã Đ D, huyện M Y, tỉnh G L.

Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. X – sinh năm: 2002

Trú tại: Làng T, xã K, huyện Đ D, tỉnh G L.

Có mặt

2. L – sinh năm: 2005

Trú tại: Làng T, xã K, huyện Đ D, tỉnh G L.

Vắng mặt

3. X – sinh năm: 1982

Trú tại: Làng T, xã K, huyện Đ D, tỉnh G L.

Có mặt

4. M – sinh năm: 1984

Trú tại: Làng T, xã K, huyện Đ D, tỉnh G L.

Có mặt

5. Ng – sinh năm: 2001(đã chết)

Trú tại: Làng T, xã K, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án

Ng: Bà H sinh năm: 1978 (mẹ ruột). Trú tại: Làng T, xã K, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án

X: Ông A, sinh năm: 1982 (bố ruột). Trú tại: Làng T, xã K, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án

L: Bà X, sinh năm: 1984 (mẹ ruột). Trú tại: Làng T, xã K, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo G: Ông X – sinh năm 1982; Địa chỉ: Làng K, xã K, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

Người phiên dịch: Ông J

Trú tại: T D P, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 13/5/2019, K (sinh năm 1993, trú tại: Làng Đ R, xã Đ D, huyện M Y, tỉnh G L) điều khiển xe mô tô biển số 81K3- 3719 L thông trên đường Quốc lộ 19 theo hướng huyện Đ Đ đi đến huyện M Y. Khi đi đến Km 142+ 900m thuộc địa phận thôn C Đ, xã K, huyện Đ Đ, tỉnh G L thì bị xe mô tô biển số 81B2- 625.49 do Ng (sinh năm 2001) chở X (sinh năm 2002) và xe mô tô biển số 81B2- 601.16 do G điều khiển chở L (sinh năm 2005) đều trú tại làng K, xã K, huyện Đ Đ, tỉnh G L điều khiển đi ngược chiều tông vào. Hậu quả Ng chết tại chỗ; K bị thương cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G L đến 01 giờ ngày 14/5/2019 thì chết; X bị thương điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G L đến ngày 20/5/2019 xuất viện; L bị thương điều trị tại Bệnh viện nhi tỉnh G L đến ngày 30/5/2019 xuất viện; G bị thương điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 15/8/2019 thì xuất viện; 03 xe mô tô bị hư hỏng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện như sau:

- Hiện trường xảy ra vụ tai nạn tại Km 142+ 900m Quốc lộ 19 thuộc địa phận thôn C Đ, xã K, huyện Đ Đ, tỉnh G L; mặt đường rải nhựa, mặt đường rộng 06m48; mặt đường được chia thành hai làn, bằng vạch kẻ phân làn đường dạng đứt quãng. Lề đường phía Bắc rộng (lề đường bên phải tính theo chiều Pleiku đi huyện M Y) 01m30. Lề đường phía Nam rộng 01m. Lấy mép đường bên phải tính theo chiều đi từ thành phố Pleiku đi về huyện M Y làm chuẩn, các chỉ số được đo vào mép đường chuẩn.

- Dấu vết trên hiện trường đánh số thứ như sau: (1) vết cày một; (2) vết cày hai; (3) xe mô tô biển số 81K3- 3719; (4) vết cày bốn; (5) biển số 81B2- 60116; (6) xe mô tô biển số 81B2-60116 (biển bị rơi ở vị trí số 5); (7) xe mô tô biển số 81B2- 62549; (8) vết màu nâu nghi máu; (9) vết cày chín.

- Sau tai nạn trên hiện trường để lại những dấu vết sau:

+ Vết cày một có chiều hướng từ hướng Đông sang hướng Tây (từ huyện M Y đi thành phố Pleiku) có diện (5m³ x 0,01m x 0,01m), đầu vết cày cách mép đường bên phải là 01m77, cuối vết cày cách mép đường bên phải là 0m76.

+ Vết cày hai có chiều hướng từ hướng Đông sang hướng Tây, vết có diện (3,9m x 0,01m x 0,01m); đầu vết cày cách mép đường bên phải 2,25m, cuối vết cày mép đường bên phải 2,2m. Đầu vết cày một cách đầu vết cày hai là 0,54m.

+ Sau tai nạn xe mô tô biển số 81K3- 3719, nằm ngã nghiêng bên phải, từ tâm trục bánh trước xe mô tô đến mép đường bên phải là 0,25m; từ tâm trục bánh sau đến mép đường bên phải là 1,25m.

+ Vết cày bốn có chiều hướng Đông sang Tây, vết có kích thước (61m x 0,02m x 0,01m); đầu vết cày cách mép đường bên phải là 1,52m; cuối vết cày cách mép đường bên phải 6m35.

+ Sau tai nạn xe mô tô biển số 81B2- 60116 ngã dưới rãnh thoát nước bên trái tính theo chiều Pleiku đi huyện M Y; Cách vị trí xe mô tô 81K3- 3719 là 24m7.

+ Sau tai nạn xe mô tô biển số 81B2- 62549 nằm dưới rãnh thoát nước phía bên phải tính theo chiều Pleiku đi huyện M Y; Cách vị trí xe mô tô 81K3- 3719 là 42m7.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện xe mô tô biển số 81B2-601.16 do G điều khiển chở sau L và xe mô tô biển số 81B2-625.49 do Ng điều khiển chở sau X đi lẫn sang phần đường bên trái theo hướng đi.

Kết quả khám phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông thể hiện như sau:

1. Đối với xe mô tô biển số 81K3- 3719 sau tai nạn để lại những dấu vết:

- + Tay điều khiển bị gãy bung rời khỏi vị trí định vị.
- + Yên xe bị bung mất khỏi vị trí định vị.
- + Vỏ ốc máy phía trước bên phải bị bể kim loại, kích thước (13x6) cm.
- + Góc để chân phía sau bên trái bị gãy bung rời khỏi vị trí định vị.
- + Góc để chân phía trước bên trái bị cong vênh biến dạng, chiều hướng từ trước ra sau.

+ Thanh kim loại của góc để chân phía sau có vết cào mòn, có diện (20x4) cm và bị gãy.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 121 ngày 02/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ xác định xe mô tô biển số 81K3- 3719 sau khi tai nạn bị thiệt hại có trị giá là 575.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 81K3- 3719 thuộc sở hữu của K, K đã chết nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tài sản cho gia đình bà Hr (là mẹ của K) theo quy định.

2. Đối với xe mô tô biển số 81B2- 601.16 sau tai nạn để lại những dấu vết:

- + Cụm đồng hồ, đèn chiếu sáng, đèn xi nhan phía trước bị bể.
- + Ốp mặt nạ phía trước bị bung rời khỏi vị trí định vị.
- + Ốp nhựa bảo vệ đèn xi nhan phía trước bên phải bị bể, có diện (29x16) cm.
- + Cần điều khiển xe mô tô bên trái cong vênh, chiều hướng từ trước ra sau.
- + Dè chắn bùn phía trước bị gãy nhựa bung rời khỏi vị trí định vị.
- + Ốp nhựa, bửng chắn gió phía trước bên phải bị bể diện (57x19) cm.
- + Cần phanh bên phải bị cong gập, chiều hướng từ trước ra sau.
- + Góc để chân phía trước bên phải bị gãy bung rời khỏi vị trí định vị.

- + Ốp nhựa bảo vệ sườn xe bên trái phía sau bề nhựa, kích thước (33x8) cm.
- + Đèn chiếu hậu bị bể bung rời khỏi vị trí định vị.
- + Khung kim loại phía sau bên trái và ốp nhựa sườn xe bên trái có vết cà mòn, kích thước (38x5) cm.

- + Tay phanh phía trước bên phải bị gãy kim loại bung rời khỏi vị trí định vị.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 121 ngày 02/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ xác định xe mô tô biển số 81B2- 601.16 sau khi tai nạn bị thiệt hại có trị giá là 1.570.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 81B2- 601.16 thuộc sở hữu của G nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định.

3. Đối với xe mô tô biển số 81B2- 625.49 sau tại nạn để lại những dấu vết:

- + Cụm đồng hồ đèn chiếu sáng bị bung rời khỏi vị trí định vị.
- + Ốp mặt nạ phía trước bị bể nhựa kích thước (9x5) cm.
- + Ốp nhựa bảo vệ đèn xi nhan phía trước bên phải có vết trầy xước kích thước (14x8)cm.
- + Đèn xi nhan phía trước bên trái bị bung rời khỏi vị trí định vị, bị bể nhựa kích thước (15x6,5) cm.
- + Dè chắn bùn phía trước bị bể hoàn toàn.
- + Cần đi số, gác để chân trước bên trái bị cong gập chiều hướng trước ra sau.
- + Ốp nhựa bảo vệ đèn xi nhan phía sau bên phải bể nhựa kích thước (18x2)cm.
- + Ốp kim loại bảo vệ phuộc nhún phía trước bên trái có vết gãy kim loại, trầy xước, kích thước (16x5) cm.

- + Bộ lọc gió bị cong vênh móp méo.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 121 ngày 02/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ xác định xe mô tô biển số 81B2- 625.49 sau khi tai nạn bị thiệt hại có trị giá là 1.370.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 81B2- 625.49 thuộc sở hữu của Ng, Ng đã chết nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tài sản cho gia đình bà H (là mẹ của Ng) theo quy định.

Kết quả kiểm tra ma túy và nồng độ cồn đối với G là người điều khiển xe mô tô biển số 81B2- 601.16:

- Đối với ma túy: Âm tính với ma túy.
- Đối với nồng độ cồn: 00 miligam/1 lít khí thở.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 13/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L đã truy tố bị cáo G về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo G về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo G từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo G phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 21 giờ ngày 13/5/2019, tại Km 142+ 900 m thuộc địa phận thôn C Đ, xã K, huyện Đ Đ, tỉnh G L, xe mô tô biển số 81B2- 625.49 do Ng điều khiển chở sau X và xe mô tô biển số 81B2- 601.16 do G điều khiển nhưng chưa có giấy phép lái xe chở sau L đi theo hướng huyện M Y đi về thành phố Pleiku khi đi đến địa điểm trên thì không làm chủ tốc độ, đi không đúng phần đường, lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi và tông vào xe mô tô biển số 81K3- 3719 do K điều khiển đi theo hướng ngược lại. Hậu quả Ng và K chết; X và L bị thương; 03 xe mô tô bị hư hỏng.

Bị cáo G điều khiển xe ô tô biển số 81B2-601.16 có dung tích xi lanh trên 100 cm³ không có giấy phép lái xe theo quy định; điều khiển xe mô tô không làm chủ tốc độ; đi không đúng phần đường, lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ, gây ra hậu quả nghiêm trọng làm chết người, tài sản thiệt hại là 3.515.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ truy tố là đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

+Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

+ Nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong về dân sự để khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, được gia đình người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế và bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được hưởng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại chương XII Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe theo quy định, đi lấn phần đường của xe L thông ngược chiều dẫn đến gây tai nạn làm chết một người của bị cáo G là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự giao thông đường bộ, xâm phạm quyền được bảo vệ về tính mạng của công dân, lỗi hoàn toàn là do bị cáo gây ra. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung nhưng do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt thể hiện sự khoan hồng của nhà nước ta.

Đối với Ng có hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, gây hậu quả nghiêm trọng làm chết 01 người. Tuy nhiên, Ng đã chết nên không có căn cứ để xử lý.

[5] Về vật chứng:

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 81K3- 3719 thuộc sở hữu của K, K đã chết nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tài sản cho gia đình bà Hr (là mẹ của K) theo quy định. Đối với xe mô tô biển số 81B2- 601.16 thuộc sở hữu của G nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định.

[6] Về dân sự:

+ Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bị hại K yêu cầu bồi thường số tiền là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) và một con heo 50kg, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại. Gia đình bị hại đã nhận đủ khoản bồi thường dân sự theo yêu cầu. Tại phiên tòa hôm nay gia đình bị hại không yêu cầu thêm về mặt dân sự. Gia đình bị cáo không yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền trên nên HĐXX không xem xét.

+ Đối với X và L sau tai nạn bị thương, X và L không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự, từ chối giám định tổn hại sức khỏe và không có yêu cầu xử lý gì.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 90; 91; 98; 101 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố bị cáo G phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

3. Xử phạt: Bị cáo G 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành án.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo G phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2020), bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến

quyền lợi nghĩa vụ của mình để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- Sở tư pháp tỉnh G L;
- Công an huyện Đ Đ;
- VKSND huyện Đ Đ;
- THADS;
- Người tham gia tố tụng;
- L: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn T S